

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với  
khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;*

*Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và  
lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;*

*Xét Tờ trình số 5597/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác  
khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế -  
Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng  
sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

**1. Đối tượng áp dụng**

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện thu, quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi  
trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh  
Đồng Nai.

**2. Tổ chức thu phí**

Cơ quan tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo phân cấp gồm có:

- Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thuế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

### 3. Trường hợp miễn nộp phí

Thực hiện theo Khoản 7 Điều 5 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

#### 4. Mức thu phí

a) Mức phí đối với từng loại khoáng sản (Phụ lục kèm theo).

b) Mức thu phí đối với các trường hợp khác

- Mức thu phí khai thác khoáng sản tận thu được tính bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng tại biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết này. Các trường hợp được áp dụng mức phí khai thác khoáng sản tận thu thực hiện theo Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Đối với các loại khoáng sản không quy định tại biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết này, trường hợp nếu có khoáng sản phát sinh được áp dụng mức thu tối đa theo quy định tại biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Trường hợp trong quá trình khai thác mà thu được thêm loại khoáng sản khác thuộc loại khoáng sản được cấp phép thì người nộp phí phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với quặng khoáng sản theo mức thu của loại khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép khai thác.

- Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai đá làm mỹ nghệ theo cá khối lớn thì áp dụng mức thu phí quy định tại số thứ tự 2 của biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết này.

#### 5. Quản lý nguồn thu

Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này; đồng thời có kế hoạch bố trí sử dụng nguồn thu phí bảo vệ môi trường trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo quy định; định kỳ hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị

quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

### **Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

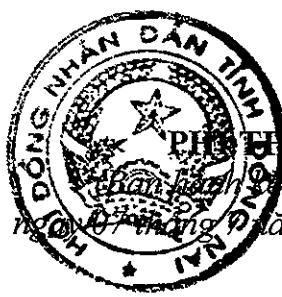
Nghị quyết này được HĐND tỉnh Đồng Nai Khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07 tháng 07 năm 2017./.

#### **Noi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.



**Nguyễn Phú Cường**



PHỤ LỤC

PHÍ THEO TÙNG LOẠI KHOÁNG SẢN

(phiên họp Ban chấp hành theo Nghị quyết số 68/2017/NQ-HĐND  
ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m <sup>3</sup>	70.000
2	Đá Block	m <sup>3</sup>	90.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m <sup>3</sup>	6.000
4	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m <sup>3</sup>	5.000
		Tấn	2.730
5	Các loại đá khác (đá vôi, đá sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng, khoáng chất công nghiệp)	Tấn	3.000
6	Cát vàng	m <sup>3</sup>	5.000
7	Các loại cát khác	m <sup>3</sup>	4.000
8	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m <sup>3</sup>	2.000
9	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m <sup>3</sup>	2.000
10	Cao lanh, phen-sò-pát (fenspat)	m <sup>3</sup>	7.000
11	Các loại đất khác	m <sup>3</sup>	2.000
12	Sét chịu lửa	Tấn	30.000
13	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
14	Nước khoáng thiên nhiên	m <sup>3</sup>	3.000
15	Than các loại	Tấn	10.000
16	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000

Đồng Nai, ngày 19 tháng 6 năm 2017

## TỜ TRÌNH

### Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp Luật năm 2015, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh Đồng Nai xem xét, thông qua Nghị quyết quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, gồm các nội dung cụ thể như sau:

#### A. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí, Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29/4/2016 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, HĐND tỉnh Khóa IX- Kỳ họp thứ 3 đã thông qua Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 quy định về phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tuy nhiên, ngày 24/12/2016 Chính phủ ban hành Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017 và thay thế Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Để kịp thời triển khai thực hiện các quy định pháp luật về Phí, lệ phí mới được ban hành và làm cơ sở thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; tăng nguồn thu ngân sách tỉnh và đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản nhằm khắc phục, hạn chế các tác động đến môi trường do khai thác khoáng sản gây ra cho nên phải xây dựng và ban hành Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là cần thiết.

#### B. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

##### I. Mục đích

Hiện nay, các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh làm ảnh hưởng đến môi trường ngày càng nhiều. Chính vì vậy, để quản lý có hiệu quả việc khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường, Nhà nước đã quy định các nghĩa vụ mà tổ chức, cá nhân khi tiến hành khai thác khoáng sản phải thực hiện, trong

đó có các nghĩa vụ về tài chính như: thuế tài nguyên, tiền cấp quyền khai thác và phí bảo vệ môi trường.

## **II. Quan điểm chỉ đạo**

Hoạt động khai thác khoáng sản là hoạt động vừa tác động trực tiếp đến nguồn tài nguyên khoáng sản và làm suy giảm trữ lượng tài nguyên vừa ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường đất, nước, môi sinh, môi trường tại khu vực diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản. Đây chính là hoạt động làm phát sinh các tác động xấu đối với môi trường. Chính vì vậy, chủ thể tiến hành khai thác khoáng sản trở thành đối tượng nộp phí bảo vệ môi trường theo Khoản 1, Điều 148 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014: “Tổ chức, cá nhân xả thải ra môi trường hoặc làm phát sinh tác động xấu đối với môi trường phải nộp phí bảo vệ môi trường”. Nhằm thắt chặt hóa quy định trên, Chính phủ ban hành Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

## **C. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT**

Triển khai thực hiện Nghị định số 164/2016/NĐ-CP, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng Đề án Phí Bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản dự kiến trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh về thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Ngày 19/4/2017, UBND tỉnh có Tờ trình số 3612/TTr-UBND đề nghị xây dựng Nghị quyết về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và được HĐND tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 224/HĐND-VP ngày 26/4/2017.

Thực hiện đúng trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Đề án Phí đã thực hiện lấy ý kiến của đối tượng bị tác động đối với mức thu phí và lấy ý kiến của các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa (Văn bản số 1742/STNMT-KHTC ngày 07/4/2017). Các ý kiến góp ý đã được tiếp thu chỉnh sửa và giải trình tại Báo cáo số 206/BC-STNMT ngày 28/4/2017. Nội dung dự thảo đã được đăng tải công khai lên cổng thông tin điện tử để lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp và các đối tượng có liên quan trên địa bàn tỉnh. Kết quả lấy ý kiến được Sở Thông tin và Truyền thông thông báo tại Văn bản số 771/STTT-BCXB ngày 18/5/2017. Sau khi hoàn thiện Đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng dự thảo Tờ trình và Nghị quyết trình HĐND tỉnh về quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai gửi Sở Tư pháp và Sở Tài chính thẩm định tại Văn bản số 2591/STNMT-KHTC ngày 12/5/2017. Sở Tư pháp đã có Văn bản số 846/STP-XDKTVB ngày 30/5/2017 và Văn bản số 2472/STC-NSNN ngày 19/5/2017 của Sở Tài chính thẩm định Nghị quyết quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Trên cơ sở ý kiến góp ý của Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tiếp thu, chỉnh sửa hoàn thiện dự thảo Nghị quyết, Đề án và Tờ trình (Báo cáo số 270/BC-STNMT ngày 01/6/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường).

## **D. BỘ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN NGHỊ QUYẾT**

### **I. Bộ cục Nghị quyết**

#### **Điều 1**

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng
2. Mức thu phí

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **II. Nội dung cơ bản của Đề án phí**

Điều 1. Thông nhất quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

#### a) Phạm vi áp dụng

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị thực hiện thu, quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### 2. Cơ quan thu phí

Cơ quan tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo phân cấp gồm có: Cục Thuế tỉnh Đồng Nai, Chi cục Thuế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

#### 3. Trường hợp miễn nộp phí

Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó và trường hợp đất, đá khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, phòng chống thiên tai, khắc phục, giảm nhẹ thiên tai.

#### 3. Mức thu phí

##### a) Mức phí đối với từng loại khoáng sản

(Kèm Phụ lục về Biểu mức thu phí theo từng loại khoáng sản)

##### b) Mức thu phí khai thác tận thu khoáng sản

Mức thu phí tận thu được tính bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng tại biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

c) Các trường hợp được áp dụng mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác tận thu khoáng sản:

- Hoạt động khai thác khoáng sản còn lại ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ.

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích khai thác khoáng sản, nhưng có chức năng, nhiệm vụ hoặc có đăng ký kinh

doanh, trong quá trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ hoặc theo chuyên ngành đã đăng ký mà thu được khoáng sản.

d) Mức thu phí đối với các trường hợp khác

- Đối với các loại khoáng sản không quy định tại biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết, trường hợp nếu có khoáng sản phát sinh được áp dụng mức thu tối đa theo quy định tại biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Trường hợp trong quá trình khai thác mà thu được thêm loại khoáng sản khác thì phải nộp phí bảo vệ môi trường theo phải nộp phí bảo vệ môi trường với mức thu phí theo quy định pháp luật.

- Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai đá làm mỹ nghệ theo cả khối lớn thì áp dụng mức thu phí quy định tại số thứ tự 2 của biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết.

**Điều 2. Chế độ quản lý, sử dụng phí**

- Số tiền thu phí do cơ quan, đơn vị tỉnh tổ chức thu thì nộp ngân sách tỉnh 100% số tiền phí thu được.

- Số tiền thu phí cơ quan, đơn vị huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức thu thì nộp ngân sách huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa 100% số tiền phí thu được.

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (những địa phương có mỏ khai thác khoáng sản) lập Dự án phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường cũng như để giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, trình UBND tỉnh xem xét phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

Sau khi Nghị quyết về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được HĐND tỉnh thông qua sẽ bãi bỏ Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

UBND tỉnh có văn bản chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục thuế Đồng Nai, Sở Thông tin - Truyền thông, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi quy định pháp luật về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản thì UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai xin kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

(Đính kèm: Đề án quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai).

(Tài liệu gửi kèm:

- Dự thảo Nghị quyết quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, kèm phụ lục.

- Báo cáo số 270/BC-STNMT ngày 01/6/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Tờ trình số 688/TTr-STNMT ngày 01/6/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường (kèm Văn bản số 846/STP-XDKTVB ngày 30/5/2017 của Sở Tư pháp và Văn bản số 2472/STC-NSNN ngày 19/5/2017 của Sở Tài chính).

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Chánh, Phó VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH, KT.

mphuong.kt

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

## **ĐỀ ÁN**

### **Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Kèm theo Tờ trình số 5597/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

## **I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

## **II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

### **1. Đánh giá tình hình thu phí**

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 9/12/2016 của HĐND tỉnh. Do hiệu lực thi hành Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND chỉ mới triển khai thực hiện từ đầu năm 2017 nên cơ quan soạn thảo không tổng hợp số liệu để đánh giá kết quả thực hiện thu phí.

### **2. Sự cần thiết xây dựng lại đề án phí**

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25/11/2015, Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí, Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và Thông tư số 66/2016/TT-BTC ngày 29/4/2016 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, HĐND tỉnh Khóa IX- Kỳ họp thứ 3 đã thông qua

Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 quy định về phí bảo vệ môi trường đối với từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Tuy nhiên ngày 24/12/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 164/2016/NĐ-CP quy định về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2017 và thay thế Nghị định số 12/2016/NĐ-CP ngày 19/02/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

Để kịp thời triển khai thực hiện các quy định pháp luật về Phí, lệ phí mới được ban hành và làm cơ sở thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh; tăng nguồn thu ngân sách tỉnh và đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản nhằm khắc phục, hạn chế các tác động môi trường do khai thác khoáng sản gây ra, cho nên phải xây dựng và ban hành Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là cần thiết.

### **III. NỘI DUNG ĐỀ ÁN**

#### **1. Phạm vi, đối tượng áp dụng**

##### a) Phạm vi áp dụng

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

##### b) Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị thực hiện thu, quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

#### **2. Các trường hợp miễn nộp phí bảo vệ môi trường**

Trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó và trường hợp đất, đá khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, phòng chống thiên tai, khắc phục, giảm nhẹ thiên tai thì không phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản đó theo quy định tại Khoản 7 Điều 5 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ.

#### **3. Đối tượng thu phí**

Theo Điều 3 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP quy định: “Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là cơ quan thuế quản lý trực tiếp nơi có hoạt động khai thác khoáng sản”. Theo đó, cơ quan tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo phân cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là:

- Cục Thuế tỉnh Đồng Nai.

- Chi cục Thuế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

#### **4. Phương thức cung cấp dịch vụ**

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mà các tổ chức, cá nhân khi được phép khai thác phải nộp thực chất là số tiền tổ chức, cá nhân phải đóng cho Nhà nước để nhận lấy sự cung cấp dịch vụ từ phía Nhà nước, đó là những hoạt động nhằm bảo vệ và đầu tư cho bảo vệ môi trường tại địa phương nơi diễn ra hoạt động khai thác khoáng sản mà những hoạt động này phải do chính các chủ thể khai thác khoáng sản phải thực hiện, nhưng Nhà nước đứng ra thực hiện thay cho tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản. Do đó, các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản phải nộp phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản để đầu tư phục hồi lại môi trường cho cộng đồng.

#### **5. Đồng tiền thu phí**

Đơn vị tiền tệ để thu phí: Đồng Việt Nam (VNĐ).

#### **6. Tên phí**

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

#### **7. Phương pháp tính phí và mức thu phí**

##### **a) Phương pháp tính phí**

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được tính theo công thức sau:

$$F = [(Q1 \times f1) + (Q2 \times f2)] \times K$$

Trong đó:

F là số phí bảo vệ môi trường phải nộp trong kỳ;

Q1 là số lượng đất đá bốc xúc thải ra trong kỳ nộp phí ( $m^3$ );

Q2 là số lượng quặng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ (tấn hoặc  $m^3$ );

f1 là mức phí đối với số lượng đất đá bốc xúc thải ra: 200 đồng/ $m^3$ ;

f2 là mức phí tương ứng của từng loại khoáng sản khai thác (đồng/tấn hoặc đồng/ $m^3$ );

K là Hệ số tính phí theo phương pháp khai thác. Đối với khai thác lộ thiên K = 1,1; đối với khai thác hầm lò và các hình thức khai thác khác K = 1.

Giải thích cách xác định hệ số Q1 và Q2:

- Đối với số lượng đất đá bốc xúc thải ra (Q1) trong kỳ nộp phí được xác định căn cứ vào tài liệu dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận hoặc căn cứ theo báo cáo đánh giá tác động môi trường và các tài liệu liên quan được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp trong tài liệu dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ, báo cáo đánh giá tác động môi trường và các tài liệu liên quan không có thông tin về số lượng đất đá bốc xúc thải ra thì việc kê khai, nộp phí căn cứ vào số lượng đất đá bốc xúc thực tế thải ra trong kỳ.

Số phí phải nộp đối với số lượng đất đá bốc xúc thải ra phát sinh trong kỳ nộp phí căn cứ vào khối lượng đất đá bốc xúc tính trên khối lượng (tấn hoặc m<sup>3</sup>) quặng/mỏ khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ.

- Số lượng khoáng sản nguyên khai khai thác trong kỳ (Q2) để xác định số phí bảo vệ môi trường phải nộp là số lượng khoáng sản nguyên khai khai thác thực tế trong kỳ nộp phí, không phân biệt mục đích khai thác (để bán ngay, đem trao đổi, tiêu dùng nội bộ, dự trữ đưa vào sản xuất tiếp theo hoặc mục đích khác) và công nghệ khai thác (thủ công, cơ giới) hoặc vùng, miền.

b) Mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản

Địa bàn tỉnh Đồng Nai chủ yếu là các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn và khai thác lộ thiên đối với các loại khoáng sản như: đá làm vật liệu xây dựng thông thường; sỏi, cuội, sạn; cát vàng, các loại cát khác; đá, sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng (laterit, puzolan...); sét làm gạch, ngói; cao lanh; nước khoáng thiên nhiên; đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, đá hoa, bazan); than bùn; các loại đất khác.

Khoáng sản là loại tài nguyên không tái tạo và có số lượng hạn chế trong lòng đất, do đó cần có chiến lược quản lý, bảo vệ và khai thác để sử dụng hợp lý tiết kiệm và hiệu quả cho xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước. Hiện nay, các hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đã và đang gây nhiều tác động xấu đến môi trường xung quanh. Biểu hiện rõ nét nhất là việc sử dụng thiểu hiệu quả các nguồn khoáng sản tự nhiên; tác động đến cảnh quan và hình thái môi trường... Những hoạt động này đang phá vỡ cân bằng điều kiện sinh thái được hình thành từ hàng chục triệu năm, gây ô nhiễm nặng nề đối với môi trường. Nguồn kinh phí cần để phục vụ cho nhu cầu phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường cũng như giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra. Vì vậy, nhằm tăng nguồn thu ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản để khắc phục, hạn chế các tác động xấu đến môi trường do khai thác khoáng sản gây ra, nên mức phí được đề xuất bằng mức tối đa quy định theo khung mức phí quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản và bằng mức thu được quy định tại Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND. Do mức thu được quy định bằng mức thu tại Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND (trước đây đã lấy ý kiến tác động) nên cơ quan soạn thảo không tổ chức lấy ý kiến đối tượng bị tác động.

Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được quy định như sau:

**Biểu mức thu phí cụ thể từng loại khoáng sản**

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m <sup>3</sup>	70.000
2	Đá Block	m <sup>3</sup>	90.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m <sup>3</sup>	6.000
4	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m <sup>3</sup>	5.000
5	Các loại đá khác (đá vôi, đá sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng, khoáng chất công nghiệp)	Tấn	3.000
6	Cát vàng	m <sup>3</sup>	5.000
7	Các loại cát khác	m <sup>3</sup>	4.000
8	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m <sup>3</sup>	2.000
9	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m <sup>3</sup>	2.000
10	Cao lanh, phen-sò-pát (fenspat)	m <sup>3</sup>	7.000
11	Các loại đất khác	m <sup>3</sup>	2.000
12	Sét chịu lửa	Tấn	30.000
13	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
14	Nước khoáng thiên nhiên	m <sup>3</sup>	3.000
15	Than các loại	Tấn	10.000
16	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000

c) Mức thu phí khai thác tận thu khoáng sản:

Đối với khoáng sản khai thác tận thu theo quy định tại Khoản 3, Điều 4 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ thì mức thu phí được tính bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng tại biểu mức thu phí quy định tại Điểm b, Khoản 7 Mục III của Đề án phí này.

d) Các trường hợp được áp dụng mức phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản tận thu khoáng sản:

- Hoạt động khai thác khoáng sản còn lại ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ;

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích khai thác khoáng sản, nhưng có chức năng, nhiệm vụ hoặc có đăng ký kinh doanh, trong quá trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ hoặc theo chuyên ngành đã đăng ký mà thu được khoáng sản.

d) Mức thu phí đối với các trường hợp khác:

- Đối với các loại khoáng sản hiện chưa phát hiện trên địa bàn tỉnh không quy định tại biểu mức thu phí nêu trên, trường hợp nếu có khoáng sản phát sinh được áp mức thu tối đa theo quy định tại biểu khung mức phí ban hành kèm theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.

- Trường hợp trong quá trình khai thác mà thu được thêm loại khoáng sản khác thì phải nộp phí bảo vệ môi trường theo phải nộp phí bảo vệ môi trường với mức thu phí theo quy định pháp luật;

- Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai thác làm mĩ nghệ theo cả khôi lón thì áp dụng mức thu phí quy định tại số thứ tự ~~2~~2 của bảng mức thu phí quy định tại Điều b Khoản 7 Mục III của Đề án phí này.

**8. Đánh giá khả năng đóng góp của người nộp phí và hiệu quả thu phí**

Theo đánh giá để xác định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai bằng mức tối đa quy định theo khung mức phí quy định tại Nghị định số 164/2016/NĐ-CP nhằm tăng nguồn thu ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường tại các khu vực khai thác khoáng sản để khắc phục, hạn chế các tác động xấu đến môi trường do khai thác khoáng sản gây ra; khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương có hoạt động khai thác khoáng sản. Thời gian qua, nguồn thu phí bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được sử dụng hiệu quả đúng quy định. Việc áp dụng mức thu phí bằng khung mức phí tối đa theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP nhằm mục đích nâng cao ý thức trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trong công tác bảo vệ môi trường, tang nguồn thu ngân sách đảm bảo cho công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Qua khảo sát, lấy ý kiến đối tượng bị tác động mức thu phí quy định tại Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND được sự đồng thuận cao. Vì vậy, mức thu phí trên phù hợp và đáp ứng được khả năng đóng góp của đối tượng bị tác động bởi mức thu phí.

**9. Chế độ kê khai, nộp, quản lý, sử dụng và quyết toán phí**

a) Kê khai, nộp phí và quyết toán phí

Theo Điều 6 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 ngày 19/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản thực hiện nộp hồ sơ khai phí bảo vệ môi trường với cơ quan Thuế quản lý trực tiếp cùng nơi kê khai nộp thuế tài nguyên (Cục Thuế Đồng Nai hoặc Chi cục Thuế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa). Trường hợp trong tháng không phát sinh phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản, người nộp phí vẫn phải kê khai và nộp tờ khai nộp phí với cơ quan Thuế. Trường hợp tổ chức thu mua, gom khoáng sản phải đăng ký nộp thay người khai thác thì tổ chức đó có trách nhiệm nộp hồ sơ khai phí bảo vệ môi trường với cơ quan thuế quản lý cơ sở thu mua khoáng sản. Thời hạn kê khai phí bảo vệ môi trường với cơ quan thuế chậm nhất là ngày thứ 20 của tháng tiếp theo. Người

nộp phí phải kê khai đầy đủ, đúng mẫu tờ khai và chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc kê khai.

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là loại phí kê khai theo tháng và quyết toán năm. Việc khai, quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản bao gồm khai, quyết toán năm và khai, quyết toán đến thời điểm chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản, chấm dứt hoạt động thu mua, gom khoáng sản, chấm dứt hoạt động kinh doanh, chấm dứt hợp đồng chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp hoặc tổ chức lại doanh nghiệp

Đối với người nộp phí thuộc diện bị án định số phí phải nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn.

Hồ sơ khai phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản theo tháng là tờ khai theo mẫu 01/BVMT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ. Hồ sơ khai quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản theo tháng là tờ khai mẫu 02/BVMT ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28/02/2011 của Bộ Tài chính.

Việc khai phí, nộp phí, quyết toán phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế.

Cung cấp tài liệu, sổ kê toán, chứng từ, hóa đơn và hồ sơ tài liệu khác có liên quan đến việc tính và nộp phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, thanh tra hoặc khi cơ quan thuế phát hiện đối tượng nộp phí có dấu hiệu vi phạm theo quy định.

#### b) Quản lý và sử dụng phí

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản được quản lý và sử dụng như sau:

- Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, phí được quản lý theo Luật Ngân sách nhà nước.

- Phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản được sử dụng đầu tư các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường như: (1) Phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản; (2) Khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra; (3) Giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản.

Theo đó, toàn bộ số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản được nộp vào ngân sách nhà nước và quy định quản lý, sử dụng cụ thể như sau:

- Số tiền thu phí do cơ quan, đơn vị tỉnh tổ chức thu thì nộp ngân sách tỉnh 100% số tiền phí thu được.

- Số tiền thu phí cơ quan, đơn vị huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức thu thì nộp ngân sách huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa 100% số tiền phí thu được.

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (những địa phương có mỏ khai thác khoáng sản) lập Dự án phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường cũng như để giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện, kinh phí bố trí từ nguồn ngân sách tỉnh.

#### 10. Công khai chế độ thu phí

Chậm nhất trước ngày 31 tháng 3 hàng năm, công khai thông tin số lượng khoáng sản khai thác, số lượng đất đá bốc xúc thải ra, số phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản mà doanh nghiệp đã nộp của năm trước trên các phương tiện thông tin đại chúng như: Báo Đồng Nai, Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai, Đài Phát thanh các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa, trang thông tin điện tử của Cục thuế Đồng Nai và Chi cục thuế các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các hình thức khác phù hợp để người dân được biết theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 66/2016/TT-BTC.

#### 11. Tổ chức thực hiện

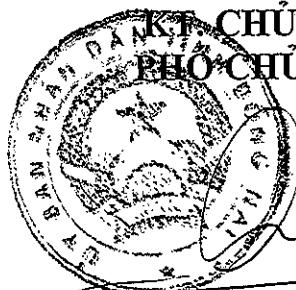
Sau khi Đề án phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai được HĐND tỉnh thông qua sẽ bãi bỏ Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh có văn bản chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Cục thuế Đồng Nai, Sở Thông tin - Truyền thông, UBND các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi quy định pháp luật về mức thu phí bảo vệ môi trường đối với các loại khoáng sản thì UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KI. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Quốc Hùng

**NGHỊ QUYẾT**  
**Về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với  
khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI  
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 4**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật Phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;*

*Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;*

*Căn cứ Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;*

Xét Tờ trình số /TT-UBND ngày tháng năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí Bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và tổng hợp ý kiến Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh thảo luận tại tổ và tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông nhất quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi áp dụng

Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản được áp dụng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện thu, quản lý, sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản.

- Các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Cơ quan thu phí

Cơ quan tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo phân cấp gồm có:

a) Cục Thuế tỉnh Đồng Nai,

b) Chi cục Thuế các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

3. Trường hợp miễn nộp phí

Các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích đất ở thuộc quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân để xây dựng các công trình của hộ gia đình, cá nhân trong diện tích đó và trường hợp đất, đá khai thác để san lấp, xây dựng công trình an ninh, quân sự, phòng chống thiên tai, khắc phục, giảm nhẹ thiên tai.

4. Mức thu phí

a) Mức phí đối với từng loại khoáng sản

(Kèm Phụ lục về Biểu mức thu phí theo từng loại khoáng sản)

b) Mức thu phí khai thác tận thu khoáng sản

Mức thu phí tận thu được tính bằng 60% mức phí của loại khoáng sản tương ứng tại biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị quyết.

c) Các trường hợp được áp dụng mức phí bảo vệ môi trường đối với khai thác tận thu khoáng sản:

- Hoạt động khai thác khoáng sản còn lại ở bãi thải của mỏ đã có quyết định đóng cửa mỏ;

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh của tổ chức, cá nhân không nhằm mục đích khai thác khoáng sản, nhưng có chức năng, nhiệm vụ hoặc có đăng ký kinh doanh, trong quá trình hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ hoặc theo chuyên ngành đã đăng ký mà thu được khoáng sản.

d) Mức thu phí đối với các trường hợp khác

- Đối với các loại khoáng sản không quy định tại biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết, trường hợp nếu có khoáng sản phát sinh được áp dụng mức thu tối đa theo quy định tại biểu mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24/12/2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

- Trường hợp trong quá trình khai thác mà thu được thêm loại khoáng sản khác thì phải nộp phí bảo vệ môi trường theo phải nộp phí bảo vệ môi trường với mức thu phí theo quy định pháp luật;

- Trường hợp tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khai đá làm mỹ nghệ theo cả khối lớn thì áp dụng mức thu phí quy định tại số thứ tự 2 của biểu mức thu phí kèm theo Nghị quyết.

## **Điều 2. Chế độ quản lý, sử dụng phí**

- Số tiền thu phí do cơ quan, đơn vị tỉnh tổ chức thu thì nộp ngân sách tỉnh 100% số tiền phí thu được.

- Số tiền thu phí cơ quan, đơn vị huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa tổ chức thu thì nộp ngân sách huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa 100% số tiền phí thu được.

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp Sở Tài chính và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa (những địa phương có mỏ khai thác khoáng sản) lập Dự án phòng ngừa và hạn chế các tác động xấu đối với môi trường, khắc phục suy thoái, ô nhiễm môi trường cũng như để giữ gìn vệ sinh, bảo vệ và tái tạo cảnh quan môi trường tại địa phương nơi có hoạt động khai thác khoáng sản, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt làm cơ sở triển khai thực hiện.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đồng thời có kế hoạch bố trí sử dụng nguồn thu phí bảo vệ môi trường trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo quy định; định kỳ hàng năm có đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu HĐND tỉnh tổ chức giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này, phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 39/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc quy định mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác từng loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai khóa IX, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2017 và có hiệu lực từ ngày tháng năm 2017.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh ;
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể;
- Các Sở, ban, ngành;
- VKSND tỉnh; Tòa án Nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND Tỉnh;
- Văn phòng UBND Tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND cấp huyện;
- Chánh, Phó văn phòng HĐND;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo Đồng Nai, LĐDN; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**

## PHỤ LỤC

**Biểu mức thu phí theo từng loại khoáng sản**  
*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2017/NQ-HĐND  
ngày tháng năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

Số TT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)
1	Đá ốp lát, làm mỹ nghệ (granit, gabro, đá hoa...)	m <sup>3</sup>	70.000
2	Đá Block	m <sup>3</sup>	90.000
3	Sỏi, cuội, sạn	m <sup>3</sup>	6.000
4	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m <sup>3</sup>	5.000
		Tấn	2.730
5	Các loại đá khác (đá vôi, đá sét làm xi măng và các loại đá làm phụ gia xi măng, khoáng chất công nghiệp)	Tấn	3.000
6	Cát vàng	m <sup>3</sup>	5.000
7	Các loại cát khác	m <sup>3</sup>	4.000
8	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m <sup>3</sup>	2.000
9	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m <sup>3</sup>	2.000
10	Cao lanh, phen-sò-pát (fenspat)	m <sup>3</sup>	7.000
11	Các loại đất khác	m <sup>3</sup>	2.000
12	Sét chịu lửa	Tấn	30.000
13	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000
14	Nước khoáng thiên nhiên	m <sup>3</sup>	3.000
15	Than các loại	Tấn	10.000
16	Khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000